

Bản án số: 454/2017/HS-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình

Ông Đỗ Đình Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2017/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2017 đối với các bị cáo Chen Yen H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2016/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1/. **Cao Trung Ngh**, sinh ngày: 07/4/1955 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ thường trú: đường X, H1, Phường Y, quận T; Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; Trình độ văn hóa: Đại học Kinh tế; Nghề nghiệp: thi công xây dựng; Con ông Cao Văn H2 (đã mất) và bà Đỗ Thị Nh (sinh năm 1928); Có vợ là Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1975) và 01 con Cao Thị Phương Uyên (sinh năm 2011);

Tiền án: Ngày 05/10/1992, Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản XHCN”. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 20 năm tù giam – Bản án 0936/HSST ngày 29/8/1994. Được đặc xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày 31/8/2005. Bị can chưa thi hành xong phần án phí dân sự.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 06/7/1984, Công an Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội” – (Điều 211). Ngày 29/6/1991, Công an quận B2 bắt về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” (Điều 135).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/8/2014. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Ngh: Luật sư Nguyễn Thanh L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. **Trần Thị Ngọc H4**, sinh ngày 27/8/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường H5, Phường Y2, Quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: xã T1, huyện B3, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Minh Nh1 (sinh năm 1962) và bà Huỳnh Ngọc S (sinh năm 1967); Có chồng là Nguyễn Chí Th (đã ly hôn) và 01 con Trần Thiên S1 (sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/5/2014 đến ngày 18/5/2014 được tại ngoại. (có mặt)

3/. **Nguyễn Văn Đ1**, sinh ngày 15/11/1981 tại Nam Định; Địa chỉ thường trú: xã Ph, huyện B3, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường Ng, phường B4, quận B5, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Hồng C (sinh năm 1946); và bà Vũ Thị L1 (sinh năm 1950); Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 26/9/2007, Tòa án nhân dân quận B5 xử phạt Nguyễn Văn Đ1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo (03 năm thử thách) về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích; Bị cáo tại ngoại. (bị cáo đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do)

(Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chen Yen H là người Đài Loan, Trung Quốc đến Việt Nam kinh doanh vải sợi, san lấp mặt bằng và vật liệu xây dựng từ năm 1993. Đầu năm 2014, Chen Yen H gặp bạn tên Lin Yi L2 (người Đài Loan, Trung Quốc) tại Quận Z3, thành phố Hồ Chí Minh. Qua trao đổi, Chen Yen H chấp nhận cùng Lin Yi L2 tham gia một tổ chức lừa đảo. Phương pháp, thủ đoạn để Chen Yen H và đồng phạm chiếm đoạt tiền của các bị hại là: các đối tượng sử dụng thiết bị công nghệ cao, hiển thị số điện thoại của tổng đài Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), giả là nhân viên của đơn vị này gọi điện thoại đến các số điện thoại cố định tại thành phố Hồ Chí Minh, thông báo các bị hại đang còn nợ tiền cước viễn thông cố định. Đồng thời lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại, các đối tượng lừa đảo nổi máy cho bị hại với một người khác, tự xưng là Công an thành

phố Hà Nội, người này thông báo ngoài việc nợ cước điện thoại như trên, bị hại còn liên quan đến đường dây rửa tiền do Công an Hà Nội đang điều tra. Từ đó, khai thác các thông tin về tiền tiết kiệm, tài khoản của các bị hại... Khi biết bị hại có tiền gửi tại ngân hàng thì yêu cầu: nếu muốn chứng minh số tiền của mình không liên quan đến tội phạm rửa tiền thì phải rút hết tiền tiết kiệm gửi vào tài khoản của Công an Hà Nội để kiểm tra và xác minh. Tiền sẽ được hoàn lại trong vòng 24 giờ. Do tin là thật, các bị hại đã chuyển tiền vào các tài khoản mà nhóm lừa đảo chỉ định. Khi tiền vào tài khoản, nhóm lừa đảo nhanh chóng rút tiền mặt tại các trụ ATM hoặc thao tác nhanh, chuyển tiền qua các tài khoản rồi rút ra và chia nhau chiếm hưởng.

Chen Yen H có nhiệm vụ thu mua thẻ ATM để sử dụng, tiếp nhận, chuyển tiền do nhóm của Lin Yi L2 ở nước ngoài lừa đảo các bị hại chuyển tiền vào tài khoản; tìm người thực hiện việc rút tiền ra khỏi tài khoản và chuyển cho Lin Yi L2 hoặc người mà Lin Yi L2 chỉ định. Cụ thể, khi mua được thẻ ATM, Chen Yen H sẽ chuyển thông tin về họ tên chủ thẻ, số tài khoản, mật khẩu và mã số thẻ cho Lin Yi L2, còn thẻ Chen Yen H quản lý. Khi Lin Yi L2 thông báo có tiền đã được lừa đảo được của bị hại chuyển vào thì Chen Yen H tổ chức rút tiền ra khỏi tài khoản, sau đó chuyển tiền lại cho Lin Yi L2. Chen Yen H được hưởng 5% trên tổng số tiền chiếm đoạt được.

Từ ngày 30/3/2014 đến ngày 03/4/2014, Lin Yi L2 trực tiếp nhận tiền từ Chen Yen H. Từ ngày 04/4/2014, Lin Yi L2 về Đài Loan, thì Liu Ming Ch người Đài Loan, Trung Quốc được Lin Yi L2 cử đến thay Lin Yi L2 nhận tiền từ các đối tượng lừa đảo.

Theo sự phân công, Chen Yen H liên hệ với Cao Trung Ngh rủ Ngh cùng tham gia tổ chức lừa đảo trên. Ngh đồng ý với nhiệm vụ tìm người đăng ký mở thẻ ATM và được Chen Yen H mua lại với giá 1.500.000đ/thẻ (bao gồm tiền mua sim điện thoại, phí mở tài khoản). Từ tháng 3/2014 đến tháng 5/2014, Ngh giao cho Chen Yen H 42 thẻ ATM do 15 người đứng tên chủ thẻ, gồm:

+ 18 thẻ ATM do Ngh đứng tên hoặc hướng dẫn đứng tên: 15 thẻ trong hệ thống Ngân hàng Sacombank: 02 thẻ ATM do Ngh đứng tên: số 070040950808 và 070040950931; Ngh hướng dẫn Thân Văn Đ2 đứng tên mở 04 tài khoản thẻ ATM số 060082109083, 06008211 0456, 060082154895 và 060082111169; Đoàn Ngọc D đứng tên mở 05 tài khoản thẻ ATM: 060081595359, 060081596037, 060081596177, 060081596258, 0600 8159 6118; Thẻ ATM số 060084285822 do Nguyễn Đình H4 đứng tên và thẻ ATM số 060084285636 do Nguyễn Minh D1 đứng tên. Riêng Nguyễn Văn B6, ngoài 02 tài khoản thẻ ATM số: 0600 8092 1422, 0600 8092 1597 tại Sacombank, còn mở 03 tài khoản tại 03 ngân hàng khác là: số 31310 000649926 tại Ngân hàng BIDV, số 37243518 tại Ngân hàng Phương Nam, số 19028020642.01.1 tại Ngân hàng Techcombank.

+ 24 thẻ ATM do Ngh nhận qua người khác, gồm: nhận của Nguyễn Văn B6 05 thẻ ATM (do Trần Ngọc H8 đứng tên, số: 060081364993, 060081364926 mở tại Ngân hàng Sacombank, số 190.280 20703.01.9 mở tại ngân hàng Techcombank, số 37243298 mở tại Ngân hàng Phương Nam, số

31310000649935 mở tại Ngân hàng BIDV); Nhận của Đoàn Ngọc D 13 thẻ ATM mở tại hệ thống Ngân hàng Sacombank (gồm: Trần Đăng Kh đứng tên 04 thẻ ATM số: 060081582680, 060082417772, 060082417977, 060082418051; Trần Ngọc D2 đứng tên 04 thẻ ATM số: 0600 8170 8692, 0600 8171 0123, 0600 8171 0301, 0600 8170 9966; Hồ Ngô Giang Th1 đứng tên thẻ ATM số 0600 8197 2810; Võ B7 đứng tên thẻ ATM số 0600 845496423; Nguyễn Văn Nh2 đứng tên thẻ ATM số 0600 82541589; Trần Văn T2 đứng tên thẻ ATM số 060082549695; Ma Văn Th2 đứng tên thẻ ATM số 0600 8254 95447); Nhận của Lê Ngọc C1 06 thẻ ATM cũng mở tại hệ thống Ngân hàng Sacombank (gồm: 02 thẻ do Cao Trọng Đ3 đứng tên: số 060082262582 và 0600 8214 4600; 04 thẻ ATM do Trần Thanh L3 đứng tên gồm: thẻ số 060082144601, 0600 8214 4482, 060082144393, 060082144237).

Quá trình điều tra xác định, trong 42 thẻ ATM mà Cao Trung Ngh giao cho Chen Yen H có 25 thẻ phát sinh giao dịch nhận và chuyển tiền; 17 thẻ chưa giao dịch thì bị phát hiện.

Để rút được tiền của các bị hại ra khỏi tài khoản, Chen Yen H rủ Chung Minh Sh và Trần Thị Ngọc H4 cùng thực hiện. Mặc dù biết nguồn tiền là do nhóm lừa đảo tại Đài Loan thực hiện mà có, nhưng được Chen Yen H hứa chia hưởng 3% trên tổng số tiền rút được nên Chung Minh Sh và Trần Thị Ngọc H4 vẫn đồng ý tham gia. Từ ngày 27/3/2014 đến ngày 28/4/2014 Ching Ming Sh và H4 đã nhận của Chen Yen H 25 thẻ ATM đến các điểm ATM trong thành phố rút được 2.184.358.870đ.

Tương tự như trên, đầu tháng 02/2014, Nguyễn Hoàng S2 gặp bạn là Nguyễn Vũ Minh C2 (ngụ ấp 3, xã T1, huyện B3), C2 nói với S2 (thông qua Báo Mua Bán) biết một người tên Ph1 có nhu cầu thuê thẻ ATM. Khi được C2 cung cấp số điện thoại của Ph1, S2 chủ động liên lạc với Ph1, Ph1 yêu cầu S2 đứng tên đăng ký mở nhiều thẻ ATM, Visa debit, đăng ký internetbanking giao cho Ph1 với giá 2.000.000đ/thẻ (đã bao gồm tiền mua sim điện thoại và phí mở tài khoản theo quy định). Theo Ph1 hướng dẫn, ngày 18/02/2014 S2 sử dụng giấy CMND của mình, đăng ký mở 02 thẻ ATM Visa debit, đăng ký internetbanking có số: 060080178908 và 060080178908 tại Ngân hàng Sacombank; Cùng ngày, S2 tiếp tục mở 01 thẻ ATM Visa debit, đăng ký internetbanking có số 14110000111893 tại Ngân hàng BIDV. Sau khi có thẻ, S2 thông báo Ph1 đến nhận thẻ, Ph1 giới thiệu một người tên Tr đến nhận 03 thẻ ATM của S2. Tr đưa cho S2 4.000.000đ, còn 2.000.000đ hẹn trả sau nhưng sau đó không giao cho S2 khoản tiền này. Cũng từ thời gian này S2 bỏ mặc để nhóm lừa đảo sử dụng 03 thẻ ATM trên sử dụng tiếp nhận, chuyển và rút tiền chiếm đoạt 1.850.000.000đ của 7 bị hại (trong đó có 1.095.075.212 đã bị rút ra, còn 754.924.788đ được ngăn chặn kịp thời).

Trong số các bị hại chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Hoàng S2, có Tr1 nộp 600.000.000đ vào tài khoản số 0600 8017 8908 tại Ngân hàng Sacombank. Sau khi chị Tr1 nộp tiền, nhóm lừa đảo liên tục điện thoại yêu cầu nộp tiếp số tiền 200.000.000đ còn lại vào tài khoản trên với lý do để tiếp tục xác

minh (trước đó chị Tr1 nói với nhóm lừa đảo có 800.000.000đ gửi tại Ngân hàng Sài Gòn). Do thấy 600.000.000đ nộp trước đó chưa được hoàn trả nên Tr1 chỉ chấp nhận nộp 200.000.000đ còn lại với điều kiện giao nhận trực tiếp và có biên nhận. Yêu cầu này được nhóm lừa đảo chấp nhận. Vào lúc 11giờ 30 phút ngày 05/4/2014, Tr1 đem theo 200.000.000đ đến trước Ngân hàng Sài Gòn tại đường L4, Phường Y3, Quận T chờ người đến nhận. Lúc này, Yang Ti A người Đài Loan – Trung Quốc (không biết tiếng Việt) đeo băng tên có nội dung “*Viện kiểm sát nhân dân tối cao Thanh pho Ho chi minh; ngày: Nào; Kiểm: Soát; ho: Nguyen van hong*” (băng tên này có hình quốc huy Việt Nam, ảnh chụp Yang Ti A), đi bộ đến gặp chị Tr1 và ra dấu yêu cầu chị Tr1 nộp tiền. Sau khi nhận đủ 200.000.000đ Yang Ti A có lấy ra một giấy “*Biên bản kiểm chung tài sản*” với nội dung “*Cơ quan công an chúng tôi nghi ngờ trong số tiền của ông bà có liên quan đến một vụ án ăn rửa tiền rất quan trọng, chúng tôi yêu cầu ông hợp tác với Cơ quan công an chúng tôi kiểm tra toàn bộ số tiền của ông bà có liên quan tới vụ án này...*” đưa cho chị Tr1 ký tên vào biên bản. Khi hai bên đang giao dịch thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt giữ quả tang.

Với thủ đoạn như trên, từ ngày 27/3/2014 đến 28/4/2014, các đối tượng lừa đảo thực hiện lừa đảo chiếm đoạt của 22 người với tổng số tiền là 7.162.506.573đ. Trong đó có 200.000.000đ giao nhận trực tiếp giữa bị hại với đối tượng lừa đảo; 6.962.506.573đ nộp và luân chuyển qua 38 tài khoản trên nhiều hệ thống ngân hàng trong thành phố (do 21 người đứng tên đăng ký mở tài khoản), sau đó rút ra và chiếm đoạt là 5.328.374.658 (4.079.617.668đ tại 23 tài khoản bị hại chuyển vào, 1.248.756.990 tại 15 tài khoản qua hệ thống mạng chuyển đến). Còn lại 1.634.131.915đ chưa kịp rút ra thì bị Cơ quan điều tra phát hiện và phong tỏa ngăn chặn. Cụ thể:

Ngày 27/3/2014, Đỗ Thị Dung H5 ngụ tại đường H6, Phường Y3, Quận Z4 nộp 100.000.000đ vào 02 tài khoản tại Ngân hàng Sacombank gồm: Tài khoản 060081595359 do Đoàn Ngọc D3 đứng tên 50.000.000đ (đã bị rút ra chiếm đoạt 49.951.083đ) và tài khoản 060081710123 do Đoàn Ngọc D4 đứng tên 50.000.000đ (đã bị rút ra chiếm đoạt 49.897.333đ).

Ngày 28/3/2014, Phạm Thị Kim Ng1 ngụ tại đường Th3, Phường Y4, Quận Z5 nộp 25.000.000đ vào tài khoản số 0600.8094. 9424 mở tại Sacombank do Nguyễn Văn Ph2 đứng tên, số tiền này đã bị rút ra chiếm đoạt hết.

Ngày 31/3/2014, Lê Thị Ngọc L5 ngụ tại đường V, Phường Y5, Quận Z4 nộp 400.000.000; Đặng Thị Phương A1 ngụ tại đường Ng2, Phường Y6, quận B2 nộp 300.000.000 đồng vào tài khoản số 0600.80446.8132 mở tại Sacombank do Lê Thị Mỹ H6 đứng tên, trong đó có 149.765.322đ bị rút ra chiếm đoạt ngay tại tài khoản này. Số còn lại được luân chuyển đến 04 tài khoản khác cũng nằm trên hệ thống Sacombank gồm: 100.000.000đ vào tài khoản 0600.8094 9424 do Nguyễn Văn Ph2 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 99.184.278đ); 150.000.000đ vào tài khoản 0600 79991 1456 và 150.000.000đ vào tài khoản 060079902910 đều do Nguyễn Văn Đ1 đứng tên (đã bị rút hết cả 300.000.000đ). Còn

150.000.000đ chuyển vào tài khoản 0600 8014 6021 do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 145,075.212đ).

Ngày 31/3/2014, Lê Thị T3 ngụ tại đường Đ4, phường Đ5, Quận Z nộp 100.000.000đ vào tài khoản số 060081596037 mở tại Sacombank do Đoàn Ngọc D3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 99.838.311đ).

Ngày 31/3/2014, Võ Thị H7 ngụ tại đường Ph2, KP3, Thị trấn C3, huyện C3 nộp 60.381.573đ vào tài khoản số 060081708692 mở tại Sacombank do Đoàn Ngọc D4 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 60.242.247đ).

Ngày 01/4/2014, Châu Thị Th4 ngụ đường X, Phường Y7, Quận Z6 nộp 300.000.000đ vào 02 tài khoản tại Ngân hàng Sacombank gồm: 150.000.000đ vào tài khoản 0600 8014 6021 do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên, 150.000.000đ vào tài khoản 0600 8094 9424 do Nguyễn Văn Ph3 đứng tên. Toàn bộ số tiền này đã bị rút ra và chiếm đoạt.

Ngày 01/4/2014, Bùi Thị Lưu Đ6 ngụ tại đường Đ7, phường T4, Quận Z nộp 190.000.000đ vào 2 tài khoản mở tại Sacombank gồm 95.000.000 vào tài khoản số 060081972810 do Đoàn Ngọc D4 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 94.957.000đ) và 95.000.000đ vào tài khoản số 060081972810 do Hồ Ngô Giang Th1 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 49.808.050đ).

Ngày 01/4/2014, D5 ngụ tại đường Ng3, phường T4, Quận Z nộp 30.000.000đ vào tài khoản số 060008197 2810 mở tại Sacombank do Đoàn Ngọc D4 đứng tên, nhưng các đối tượng chưa kịp rút tiền thì bị phát hiện phong tỏa ngăn chặn.

Ngày 01/4/2014, Phạm Thị Như L6 ngụ tại đường Tr2, phường C4, Quận Z nộp 250.000.000đ vào 2 tài khoản tại Ngân hàng Sacombank gồm 150.000.000 vào tài khoản 0600 81364993 do Trần Ngọc H8 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 109.948.659đ) và 100.000.000đ vào tài khoản số 0600 81675141 do Trần Minh S3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 74.611.603đ).

Ngày 02/4/2014, Trịnh Thị Bích Th5 ngụ đường Ph4, Phường X8, quận Ph5 nộp 300.000.000đ vào tài khoản số 060081364926, mở tại Sacombank do Trần Ngọc H8 đứng tên. Trong đó có 148.705.029đ đã bị rút ra chiếm đoạt qua hệ thống ATM; 5.000.000đ chuyển đến tài khoản số 06008092 1422 tại Sacombank do Nguyễn Văn B6 đứng tên, có 4.889.500đ đã bị rút khỏi tài khoản.

Ngày 03/4/2014, Phạm Thị Bạch M ngụ chung cư Ng4, Phường X9, Quận Z5, nộp 950.000.000đ vào các tài khoản, gồm: 150.000.000đ vào tài khoản 060080146021 tại Sacombank; 150.000.000đ vào tài khoản 14110000111893 tại ngân hàng BIDV đều do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên; Nộp 300.000.000đ vào tài khoản 060080949424 tại Sacombank; 150.000.000đ vào tài khoản 13810000018468 tại BIDV đều do Nguyễn Văn Ph3 đứng tên; 200.000.000đ vào tài khoản số 14710000009440 tại Ngân hàng BIDV do Trần Minh S3 đứng tên. Toàn bộ số tiền trên đã bị chiếm đoạt hết thông qua thẻ ghi nợ quốc tế.

Ngày 04 và 05/4/2014, Phạm Thị Thùy Tr1 ngụ đường Đ8, Phường Y10, quận T nộp 800.000.000đ vào các tài khoản: Ngày 04/4/2014 nộp 600.000.000đ vào tài khoản số 060080178908 tại Sacombank do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 150.000.000đ). Ngày 05/4/2014, Tr1 tiếp tục giao trực tiếp 200.000.000đ cho Yang Ti A thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngày 04/4/2014, Phạm Minh Kh1 ngụ tại đường Ph6, Phường X8, quận Ph5 nộp 300 000 000đ vào Ngân hàng Sacombank gồm: 150.000.000đ vào tài khoản 0600 8226 2582 do Cao Trọng Đ9 đứng tên; 150.000.000đ vào tài khoản 0600 8014 6021 do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên. Số tiền này đã bị rút ra và chiếm đoạt thông qua thẻ ghi nợ quốc tế.

Ngày 05/4/2014, Võ Thành Tr3 ngụ tại đường Tr4, Phường Y11, quận B2 nộp 400.000.000đ vào hệ thống ngân hàng BIDV gồm: 200.000.000đ vào tài khoản 0000 111893 do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên; 200.000.000đ vào tài khoản 1471 0000 009440 do Trần Minh S3 đứng tên. Số tiền này đã bị rút ra chiếm đoạt thông qua thẻ ghi nợ quốc tế.

Ngày 07/4/2014, Trần Thị Ngọc Th6 ngụ đường V1, Phường Y11, Quận Z4 nộp 300.000.00đ vào tài khoản 1411 0000 111893 do Nguyễn Hoàng S2 đứng tên tại Ngân hàng BIDV. Số tiền này được Cơ quan cảnh sát Điều tra ngăn chặn kịp thời.

Ngày 07/4/2014, Phan Thị Kim Ph7 ngụ đường H9, Phường Y12, Quận Z7 nộp 235.000.000đ gồm 100.000.000đ vào tài khoản số 0600 8214 4237; 135.000.000đ vào tài khoản 0600 8214 4393 tại Ngân hàng Sacombank đều do Trần Thanh L3 đứng tên. Đã bị rút ra chiếm đoạt 199.813.700đ; Chuyển đến tài khoản 0600 8214 4482 tại Sacombank cũng do Trần Thanh L3 đứng tên 35.000.000đ. Số tiền này đã bị rút ra chiếm đoạt 34.904.550đ.

Trong 2 ngày 07 và 08/4/2014, Nguyễn Thị A3 ngụ V, Phường Y5, Quận Z4 nộp 990.000.000đ vào các tài khoản tại Ngân hàng Sacombank, gồm: 300.000.000đ vào tài khoản 0600 8214 4601 tại ngân hàng Sacombank do Trần Thanh L3 đứng tên, trong đó có 99.911.300đ đã bị rút ra chiếm đoạt; 100.000.000đ chuyển đến tài khoản số 060082549423 do Võ B7 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 99.896.000đ); Chuyển 100.000.000đ đến tài khoản 0600 8254 1589 do Nguyễn Văn Nh2 đứng tên (đã bị rút chiếm đoạt hết); Nộp 200.000.000đ vào tài khoản 1471 0000 009440 tại BIDV do Trần Minh S3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 101.690.691đ); nộp 190.000.000đ vào tài khoản số 1381 0000 018468 tại BIDV do Nguyễn Văn Ph3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 98.992.210đ); nộp 100.000.000đ vào tài khoản số 1724 92199 tại Ngân hàng ACB do Lê Thanh H9 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 49.950.673đ); Nộp 100.000.000đ vào tài khoản số 1760 05399 tại Ngân hàng ACB do Trần Minh S3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 94.346.407đ); Nộp 100.000.000đ vào tài khoản 1761 17679 tại Ngân hàng ACB do Trần Thanh An Nh3 đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 52.305.042đ).

Ngày 08/4/2014, Nguyễn Thị Bích Ph8 ngụ đường B8, Phường X9, quận T nộp 750.000.000đ vào tài khoản số 0600 8214 4601 tại Sacombank do Trần Thanh L3 đứng tên. Đã bị rút ra chiếm đoạt 50.000.000đ số còn lại chuyển đến các tài khoản khác trong hệ thống Ngân hàng Sacombank như sau: chuyển đến tài khoản 0600 8215 4895 và tài khoản 060082109083 đều do Thân Văn Đ2 đứng tên mỗi tài khoản 150.000.000đ (khoản tiền 300.000.000đ này được ngăn chặn kịp thời nên các đối tượng chưa kịp rút tiền ra); chuyển vào tài khoản 0600 82549695 do Trần Văn T2 đứng tên 150.000.000đ (đã bị rút ra chiếm đoạt 149.865.000đ); Chuyển vào tài khoản 0600 8254 9547 do Ma Văn Th2 đứng tên 150.000.000đ (đã bị rút ra chiếm đoạt 149.946.000đ). Chuyển vào tài khoản 60082549423 do Võ B7 đứng tên, tài khoản 060082541589 do Nguyễn Văn Nh2 đứng tên mỗi tài khoản 50.000.000đ đã bị rút ra và chiếm đoạt hết.

Ngày 08/4/2014, Đoàn Thị Như M1 ngụ đường Q, Phường Y2, quận G nộp 45.000.000đ vào tài khoản số 0600 8211 0456 tại Sacombank do Thân Văn Đ2 đứng tên. Do ngăn chặn kịp thời nên tiền còn trong tài khoản.

Ngày 24/4/2014, Nguyễn Thúy M2 ngụ đường Ng5, Phường Y4, Quận Z5 nộp 115.125.000đ vào tài khoản số 0700 4095 0808 tại Sacombank do Cao Trung Ngh đứng tên (đã bị rút ra chiếm đoạt 115.007.091đ).

Ngày 28/4/2014 Phan Thị Xuân A4, ngụ đường L7, Phường Y12, Quận Z4 nộp 220.000.000đ vào tài khoản số 0600 8158 2680 tại Sacombank do Đoàn Đăng Kh2 đứng tên. Có 121.990.317 đã bị rút ra chiếm đoạt từ tài khoản này. Còn 100.000.000đ chuyển qua tài khoản 0600 8241 7772 cũng do Đoàn Đăng Kh2 đứng tên và đã bị rút ra chiếm đoạt 99.901.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Chen Yen H thừa nhận việc mua thẻ ATM từ bị cáo Cao Trung Ngh, giao thẻ cho Chung Ming Sh và H4 đi rút tiền, nhận lại tiền từ hai đối tượng này. Chung Ming Sh và bị cáo Trần Thị Ngọc H4 cũng thừa nhận việc nhận thẻ, đi nhận tiền và hưởng hoa hồng như trên. Bị cáo Cao Trung Ngh thừa nhận việc đứng tên đăng ký và tiếp nhận 42 thẻ ATM của các cá nhân nêu trên để chuyển giao thẻ cho Chen Yen H sau khi đã cài đặt mật khẩu cho toàn bộ các thẻ đều là 118899, mật khẩu truy cập trên mạng số 040755 hoặc số 118899 để nhận 56.500.000đ. Số tiền nhận được, Ngh khai đã giao cho những người đứng tên đăng ký là 42.000.000đ (1.000.000đ/01 thẻ ATM), số còn lại 14.500.000đ Ngh hưởng lợi, Tuy nhiên những người đứng tên chỉ thừa nhận số tiền 500.000đ/01 thẻ để mở sim điện thoại và đóng phí theo quy định

Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Văn Đ1:

Nguyễn Thị Ngọc L8, Đặng Thị Phương A1 là hai người trong số các bị hại đã nêu. Ngày 31/3/2014, Nguyễn Thị Ngọc L8 chuyển 400.000.000đ, Đặng Thị Phương A1 chuyển 300.000.000đ vào tài khoản 060080468132 mở tại Sacombank do Lê Thị Mỹ H6 đứng tên. Trong 700.000.000đ trên có 150.000.000đ được chuyển vào tài khoản số 060079902910 và 150.000.000đ được chuyển vào tài khoản 060079911456 do bị cáo Nguyễn Văn Đ1 đứng tên.

Số tiền này bị rút ra 172.650.000 từ các điểm rút tiền ATM; còn 127.350.000đ do Nguyễn Văn Đ1 rút tiền mặt tại Phòng giao dịch Đức Hòa - Chi nhánh Long An của Ngân hàng Sacombank vào ngày 21/4/2014.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 khai khoảng đầu tháng 02/2014, Điều đọc báo Mua Bán (không nhớ ngày đăng), có mục cho vay tiền thế và tín chấp. Do cần tiền sử dụng cá nhân, Đ1 liên hệ theo số điện thoại trên báo (hiện đã quên số điện thoại) gặp một người tự xưng tên Ph1, vì không có tài sản thế chấp nên Đ1 đồng ý sử dụng giấy CMND của mình đăng ký kê khai mở tài khoản thẻ ATM vay của Ph1 10.000.000đ. Ngày 13/02/2014, Đ1 sử dụng giấy CMND của mình đến Ngân hàng Sacombank, Phòng giao dịch C5 kê khai đăng ký mở 04 tài khoản thẻ ATM, gồm: 0600 7991 1601, 0600 7991 1707, 0600 7991 1741, 0600 7991 1456 (đăng ký dịch vụ báo trước vào số điện thoại 0937804057). Cùng ngày, Nguyễn Văn Đ1 đến Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch Ph9 – Chi nhánh Quận G mở tiếp một tài khoản thẻ ATM số 0600 7990 2910 (đăng ký dịch vụ báo trước vào số điện thoại 0937804057). Số thẻ này Đ1 giao hết cho L9, người do Ph1 cử đến nhận, đồng thời nhận từ người này 5.000.000đ. Số tiền 5.000.000đ còn lại Ph1 hứa sẽ giao sau nhưng không thực hiện. Sau khi nhận tiền vay, sợ Ph1 sử dụng các tài khoản của mình vào việc làm bất hợp pháp nên Đ1 đến ngân hàng đăng ký thêm một số điện thoại báo trước 0168525581 để Đ1 kiểm soát. Theo đó, mọi giao dịch của 05 tài khoản trên đều thông báo đến cả hai số điện thoại Đ1 đăng ký (số 0937804057 - Ph1 giữ, số 0168525581 - Đ1 giữ). Ngày 31/3/2014, thông qua tin nhắn, Đ1 biết có 150.000.000đ chuyển vào tài khoản số 0600 7990 2910 và 150.000.000đ chuyển vào tài khoản số 0600 7991 1456 nhưng liên tục bị rút ra bằng thẻ ATM ngay sau đó. Nghi ngờ các tài khoản của mình đã bị sử dụng vào việc bất hợp pháp nên Đ1 thông báo cho Ngân hàng ngăn chặn toàn bộ các giao dịch đối với cả 05 tài khoản. Cùng thời điểm này, qua báo chí Đ1 biết việc tội phạm công nghệ cao sử dụng điện thoại để lừa đảo. Đ1 cho rằng 05 tài khoản của mình cũng bị nhóm lừa đảo sử dụng chiếm đoạt tiền của người khác nên đã nảy sinh ý định chiếm giữ và sử dụng số tiền còn lại trong 02 tài khoản trên. Ngày 21/4/2014 Đ1 đã đến Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch Đức Hòa – Chi nhánh Long An làm thủ tục rút 127.350.000đ (tài khoản số 0600 7990 2910 số tiền 46.400.000đ; tài khoản 0600 7991 1456 số tiền 80.950.000đ) mang về sử dụng cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2016/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H4 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Trung Ngh 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/01/2017, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 06/01/2017, bị cáo Trần Thị Ngọc H4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/01/2017, bị cáo Cao Trung Ngh kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Trung Ngh thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Thị Ngọc H4 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn cha mẹ già và con nhỏ không người phụng dưỡng, chăm sóc. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, hiện nay cha mẹ bị cáo đã lớn tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo Cao Trung Ngh đã thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4 và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thì thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo là có căn cứ, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra; các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngh trình bày: Luật sư không tranh luận về tội danh nhưng cho rằng cấp sơ thẩm chưa cá thể hóa hành vi phạm tội của bị cáo Ngh, xem xét có sự phân công, bàn bạc hay không. Bị cáo Ngh có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo giúp sức cho cơ quan điều tra sớm bắt Chen Yen H, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã cao tuổi, đang bị bệnh, con bị cáo chỉ mới 7 tuổi.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Trung Ngh thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 và bị cáo Trần Thị Ngọc H4 tại phiên tòa phúc thẩm cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo Nguyễn Văn Đ1 xin hưởng án treo.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo có cơ sở xác định: Vào khoảng đầu năm 2014, Chen Yen H là người Đài Loan cùng với đối tượng tên Lin Yi L2 (đối tượng thuộc tổ chức lừa đảo ở Đài Loan – Trung Quốc) và các bị cáo khác tham gia vào đường dây lừa đảo người Việt Nam. Chen Yen H cùng các bị cáo đã sử dụng thiết bị công nghệ cao, sau khi nghiên cứu thông tin cá nhân, số tài khoản của các bị hại tại các ngân hàng, rồi dùng thủ đoạn gian dối, giả danh là Công an thành phố Hà Nội để hù dọa các bị hại có liên quan đến đường dây tội phạm rửa tiền hoặc tội phạm ma túy do Công an thành phố Hà Nội đang điều tra làm cho các bị hại tin là thật. Theo đó, các bị hại muốn chứng minh mình không liên quan đến đường dây tội phạm rửa tiền, tội phạm ma túy thì các bị hại phải chuyển tiền vào tài khoản mà bị cáo Chen Yen H và các bị cáo khác đã chỉ định. Sau khi các bị hại chuyển tiền, bị cáo Chen Yen H và các bị cáo khác với vai trò khác nhau đã rút số tiền này để chiếm đoạt.

Để thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền của bị hại thì bị cáo Chen Yen H đã liên hệ với bị cáo Cao Trung Ngh, rủ Ngh tham gia tổ chức lừa đảo trên, bị cáo Ngh đồng ý với nhiệm vụ tìm người đăng ký mở thẻ ATM và được Chen Yen H mua lại với giá 1.500.000 đồng/thẻ. Thực hiện hành vi giúp sức cho Chen Yen H, từ tháng 3/2014 đến tháng 5/2014 bị cáo Cao Trung Ngh đã giao cho Chen Yen H 42 thẻ ATM gồm 18 thẻ do Ngh đứng tên hoặc hướng dẫn đứng tên, 24 thẻ do bị cáo Ngh nhận qua người khác. Trong 42 thẻ ATM có 25 thẻ phát sinh giao dịch nhận chuyển tiền và còn 17 thẻ chưa giao dịch thì bị phát hiện.

Theo phân công, để rút tiền của bị hại ra khỏi tài khoản, bị cáo Chen Yen H đã rủ bị cáo Trần Thị Ngọc H4 và các bị cáo khác cùng thực hiện. Bị cáo Trần Thị Ngọc H4 và các bị cáo khác đã đồng ý tham gia, nhận của Chen Yen H 25 thẻ ATM, rút số tiền 2.184.358.870 đồng của các bị hại đã chuyển vào.

Tương tự với thủ đoạn, cách thức thực hiện hành vi như nêu trên bị cáo Nguyễn Hoàng S2 đã nhận làm thẻ ATM rồi giao lại cho nhóm các đối tượng lừa đảo để nhóm lừa đảo sử dụng chuyển và rút số tiền 1.850.000.000 của 07 người bị hại.

Với các thủ đoạn, hành vi gian dối như trên từ 27/3/2014 đến 28/4/2014, các bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 22 người bị hại với số tiền 7.162.506.573 đồng.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1, khoảng đầu tháng 02/2014 bị cáo Điều đọc báo Mua Bán có mục cho vay tiền và tín chấp. Do cần tiền để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, bị cáo Đ1 đã dùng giấy chứng minh nhân dân để mở các tài khoản thẻ ATM rồi dùng các tài khoản thẻ ATM này để thế chấp vay tiền của đối tượng tên Ph1. Quá trình mở tài khoản thẻ ATM, bị cáo Đ1 có đăng ký số điện thoại để ngân hàng báo thông tin tài khoản thẻ ATM qua số điện thoại cho Đ1. Từ đó, bị cáo Đ1 biết việc có giao dịch chuyển và rút tiền từ các thẻ ATM mà Đ1 đã thế chấp cho đối tượng tên Ph1. Biết được các thẻ ATM của mình bị nhóm lừa đảo sử dụng để chiếm đoạt tiền của người khác và biết trong thẻ ATM có tiền chuyển vào, bị cáo Đ1 đã đến ngân hàng làm thủ tục rút số tiền 127.350.000 đồng mang về sử dụng cá nhân.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Cao Trung Ngh và Trần Thị Ngọc H4: Các bị cáo đã giúp sức tích cực cho nhóm tội phạm lừa đảo ở Đài Loan – Trung Quốc chiếm đoạt tài sản đặc biệt lớn của người Việt Nam, giả danh là cán bộ cơ quan công quyền gây mất trật tự an ninh địa phương, gây hoang mang dư luận cho xã hội. Mặt khác, hiện nay nhóm tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo ngày càng gia tăng, hoạt động rộng rãi trên địa bàn cả nước. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò tham gia của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Ngh mức án 06 năm tù, H4 12 năm tù là có căn cứ, không nặng. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngh và H4 là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo biết rõ tài khoản ATM của bị cáo bị sử dụng vào việc bất hợp pháp nhưng bị cáo không báo đến ngân hàng để ngăn chặn giao dịch mà còn lợi dụng vào đó rút số tiền 127.350.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Mặc dù, số tiền 127.350.000 đồng đã được bị cáo nộp lại, quá trình điều tra bị cáo thành

khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo ăn ăn hối cải, bị cáo có nơi cư trú ổn định, địa chỉ rõ ràng; tuy nhiên, về nhân thân vào năm 2007 bị cáo bị xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nên đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo Đ1 không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4, Nguyễn Văn Đ1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2016/HS-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H4 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Trung Ngh 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Cao Trung Ngh, Trần Thị Ngọc H4,

Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh (2);
- BCTN (2);
- Lưu (5).16b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười